

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Bà Bùi Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trương Thế T; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Xóm S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2019, tại bản tự khai ngày 03/6/2019 chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Thế T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2010 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2016 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Trương Thế H, sinh ngày 14/10/2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu luôn ở với chị. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh T hai lần để nộp bản tự khai nhưng anh T đều vắng mặt nên không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Xét thấy giữa chị T và anh T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Trương Thế T. Về con cái, giao cháu Trương Thế H, sinh ngày 14/10/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T được biết.

[3]. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[5] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Trương Thế T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2010 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Sau ngày

cưới, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2016 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được và UBND xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay chị T nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Trương Thế T.

[6] Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Trương Thế H, sinh ngày 14/10/2011. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H luôn ở với mẹ, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để tránh sự xáo trộn trong học tập và sinh hoạt của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[7] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết cầu nên miễn xét.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1.Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Trương Thế T.

2.Về con cái: Giao cháu Trương Thế H, sinh ngày 14/10/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh T có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003650 ngày 24/5/2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T, anh T. Chị T, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Cúc